

	Miền núi		Trung du và đồng bằng	
	A	B	A	B
— Từ 2 tuổi đến 3 tuổi	1,45đ	1,20đ	1,60đ	1,35đ
— Trên 3 tuổi đến 8 tuổi	1,10đ	0,95đ	1,30đ	1,10đ
— Trên 8 tuổi và bỏ cày kéo già thải loại	0,90đ	0,85đ	1,00đ	0,90đ
— Bò sữa thải loại	0,95đ	0,90đ	1,05đ	1,00đ

**Điều 2.** — Quy cách, phẩm chất bò thịt, khu vực và địa điểm áp dụng giá mua; biện pháp cân đo vẫn theo như công văn số 3488-NT/VG ngày 12-11-1970 của Bộ Nội thương.

**Điều 3.** — Quyết định này thi hành kể từ ngày 1 tháng 11 năm 1974.

*Hà-nội, ngày 16 tháng 10 năm 1974*

Q. Chủ nhiệm

Ủy ban Vật giá Nhà nước

TỔ DUY

**QUYẾT ĐỊNH số 77-NS/VGNN ngày 16-10-1974 về giá mua khuyến khích lợn thịt.**

CHỦ NHIỆM ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

.....  
..... (1)

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** — Nay điều chỉnh và quy định giá mua khuyến khích lợn thịt của hợp tác xã, gia đình chăn nuôi... cao hơn giá mua cơ bản từng cấp loại lợn hiện hành là 50% (năm mươi phần trăm).

**Điều 2.** — Các quy định trái với quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** — Quyết định này thi hành kể từ ngày 1 tháng 11 năm 1974.

*Hà-nội, ngày 16 tháng 10 năm 1974*

Q. Chủ nhiệm

Ủy ban Vật giá Nhà nước

TỔ DUY

**QUYẾT ĐỊNH số 78-NS/VGNN ngày 16-10-1974 về giá mua lợn thịt từ sau Tết âm lịch.**

CHỦ NHIỆM ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

.....  
..... (1)

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** — Nay quy định giá mua lợn thịt của nông trường quốc doanh, hợp tác xã, gia đình chăn nuôi... từ sau Tết âm lịch đến ngày 30 tháng 4 dương lịch hàng năm được tăng thêm so với giá mua cơ bản từng cấp loại lợn hiện hành là 0,20đ (hai hào) một kilôgam.

**Điều 2.** — Quyết định này có giá trị thi hành từ sau Tết âm lịch năm Ất mào(2).

*Hà-nội, ngày 16 tháng 10 năm 1974*

Q. Chủ nhiệm

Ủy ban Vật giá Nhà nước

TỔ DUY

(1) Xem căn cứ của quyết định số 66-NS/VGNN trên.

(2) Năm dương lịch 1975.